

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày 06-9- 2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà:* Ông Quàng Văn Thủy;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Thảo Thị Gia và ông Sa Văn Linh.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Đinh Thị Viên là Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà:** Ông Mùa A Hay - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2022/TLST- HNGĐ, ngày 21 tháng 7 năm 2022 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đinh Văn Q; Nơi cư trú: Bản N, xã S, huyện B, tỉnh Sơn La; vắng mặt có lý do, xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Đinh Thị H; Nơi cư trú: Bản N, xã S, huyện B, tỉnh Sơn La; vắng mặt có lý do, xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 30/5/2022, bản tự khai nguyên đơn là Đinh Văn Q trình bày: Anh và chị Đinh Thị H tìm hiểu nhau và đi đến kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 22/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Sơn La trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến tháng 7/2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh chị đi làm ăn xa, chị Đinh Thị H không sống chung với anh Q nên vợ chồng bắt đầu quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung; hai vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Khi phát sinh mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Đến nay, anh Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt

được nên mong muốn Tòa án giải quyết cho anh Q được ly hôn với chị Đinh Thị H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng anh Q và chị H có hai con chung là cháu Đinh Thanh T, sinh ngày 17/11/2014 và cháu Đinh Tuấn T, sinh ngày 09/5/2016. Hiện tại cháu Đinh Tuấn T đang ở với bố và ông bà nội, còn cháu Đinh Thanh T ở với mẹ và ông bà ngoại. Nguyên vọng của anh Đinh Văn Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đinh Tuấn T, giao cháu Đinh Thanh T cho chị Đinh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Về vay nợ chung: Vợ chồng không vay nợ của ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án

Do điều kiện hoàn cảnh đi làm ăn xa, không xin công ty nghỉ được anh Quê không thể về để giải quyết việc Ly hôn, do đó anh Đinh Văn Q có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai bị đơn là chị Đinh Thị H trình bày: Chị và anh Đinh Văn Q tìm hiểu nhau và đi đến kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 22/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Sơn La trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến tháng 7/2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh chị đi làm ăn xa, vợ chồng bắt đầu quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung; hai vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Khi phát sinh mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Đến nay, chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên mong muốn Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị H, anh Q có hai con chung là cháu Đinh Thanh T, sinh ngày 17/11/2014 và cháu Đinh Tuấn T, sinh ngày 09/5/2016. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đinh Thanh T, giao cháu Đinh Tuấn T cho anh Đinh Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Về vay nợ chung: Vợ chồng không vay nợ của ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án

Do điều kiện, hoàn cảnh đi làm ăn xa, việc đi lại khó khăn, phức tạp, chị Hợp không thể về để giải quyết việc Ly hôn, do đó chị Đinh Thị H có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy ý kiến ngày 21/7/2022 cháu Đinh Thanh T có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Đinh Thị H.

Do các bên đương sự có đơn yêu cầu không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải. Vì vậy Tòa

án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát ý kiến: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, nguyên đơn, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt có lý do điều kiện, hoàn cảnh đi làm ăn xa, việc đi lại khó khăn có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung thực hiện theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ, khoản 1, điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Văn H, yêu cầu ly hôn với chị Đinh Thị H; giao cháu Đinh Thanh T, sinh ngày 17/11/2014 cho chị Đinh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu Đinh Tuấn T, sinh ngày 09/5/2016 cho anh Đinh Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí, đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho đương sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện và yêu cầu, đề nghị của các đương sự. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn” do nguyên đơn anh Đinh Văn Q khởi kiện đối với bị đơn chị Đinh Thị H có nơi cư trú bản N, xã S, huyện B, tỉnh Sơn La. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết, xét xử của Tòa án nhân dân huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đinh Văn Q và bị đơn chị Đinh Thị H đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng hai bên đương sự đều có đơn xin giải quyết, xét xử vắng có lý do, nên Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải và quyết định xét xử vắng mặt anh Đinh Văn Q, chị Đinh Thị H theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Văn Q và chị Đinh Thị H có tìm hiểu và đi đến kết hôn ngày 22/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Sơn La trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến tháng 7/2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh

chị đi làm ăn xa, chị Đinh Thị H không sống chung với anh Q nên vợ chồng bắt đầu quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung; hai vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Khi phát sinh mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Đến nay, anh Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên mong muốn Tòa án giải quyết cho anh Q được ly hôn với chị Đinh Thị H. Nhận thấy, từ tháng 7 năm 2019 đến nay anh Q, chị H không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bản thân chị H cũng xác định không còn tình cảm với anh Q và xin được ly hôn với anh Q. Do vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Q và chị H.

[4] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh Q và chị H có hai con chung là cháu Đinh Thanh T, sinh ngày 17/11/2014 và cháu Đinh Tuấn T, sinh ngày 09/5/2016, hiện nay cháu Đinh Thanh T đang ở với mẹ và ông bà ngoại, còn cháu Đinh Tuấn T với bố và ông bà nội, đều cư trú tại bản N, xã S, huyện B, tỉnh Sơn La, anh Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Đinh Tuấn T, còn cháu Đinh Thanh T sẽ giao cho chị Đinh Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bản thân chị H cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Đinh Thanh T và giao cháu Đinh Tuấn T cho anh Đinh Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại cháu Đinh Thanh T có nguyện vọng mong muốn ở với mẹ, nên cần xem xét, tôn trọng ý kiến của cháu. Do đó, để đảm bảo sự ổn định, lợi ích mọi mặt của các cháu Đinh Thanh T, Đinh Tuấn T, cần giao cháu Đinh Thanh T cho chị Đinh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục và giao cháu Đinh Tuấn T cho anh Đinh Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ chăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Anh Đinh Văn Q và chị Đinh Thị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung trong vụ án.

[6] Về vay nợ chung: Anh Đinh Văn Q và chị Đinh Thị H xác định không có nợ chung, đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Theo Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, thì anh Đinh Văn Q và chị Đinh Thị H đều sinh sống tại bản N, xã S, huyện B, tỉnh Sơn La là nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại

điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do vậy Tòa cần xem xét miễn án phí cho các đương sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 51, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đinh Văn Q được ly hôn với chị Đinh Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Thanh T, sinh ngày 17/11/2014 cho chị Đinh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu Đinh Tuấn T, sinh ngày 09/5/2016 cho anh Đinh Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và vay nợ chung: Đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết trong vụ án.

4. Về án phí: Miễn án phí cho các đương sự.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định chung của pháp luật.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
*(đã ký)*

**Quàng Văn Thủy**